

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/DS-PT

Ngày: 22-01-2024

“ Về việc: *Kiến đòi lại tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đ Nam và bà Nguyễn Thanh Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang** tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vỹ, - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 41/2023/TLPT- DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc "Kiến đòi lại tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXPT- DS ngày 28 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn Đ**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 02, tập thể X55, xã Ngũ H, huyện Thanh T, thành phố Hà N. *Có mặt.*

Bị đơn: Bà **Hoàng Thị Ng**, tên gọi khác: Hoàng Thị Ng, sinh năm 1962. Địa chỉ thường trú: Tổ Vĩnh T, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Hiện đang tạm trú tại: Thôn Làng L, xã Xuân Q, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị Ng: Trung tâm tư vấn pháp luật và hỗ trợ doanh nghiệp - Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang. Địa chỉ: Số 4, đường Lê Hồng Phong, tổ 14, phường Minh X, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. Do ông Triệu Quang N - Tư vấn viên pháp luật và bà Lê Ph Th- Nhân viên tư vấn pháp luật của Trung tâm đại diện. *Có mặt.*

Người kháng cáo bản án sơ thẩm, bị đơn bà Hoàng Thị Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Ngày 17/01/2017 bà Hoàng Thị Ng có vay của ông Đ số tiền 693.000.000^d (Sáu trăm chín mươi ba triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, trả lãi hằng tháng, thời hạn vay không thỏa thuận cụ thể mà thống nhất khi nào ông Đ cần tiền sẽ báo trước 02 tháng. Ngoài ra bà Ng hứa đến tháng 3 năm 2017 sẽ trả 200.000.000 đồng, trước tết âm lịch năm 2017 sẽ trả ông Đ 100.000.000 đồng, nếu bán được nhà sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi. Hết năm 2017 bà Ng chưa trả được khoản tiền nào theo thỏa thuận cho ông Đ.

Ngày 04/8/2017 ông Đ tiếp tục cho bà Ng vay số tiền 217.000.000^d (Hai trăm mười bảy triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm, thỏa thuận trả lãi hằng tháng, thời hạn trả tiền nợ gốc sẽ được ông Đ báo trước 02 tháng.

Tổng số tiền nợ gốc bà Ng vay ông Đ ngày 17/01/2017 và ngày 04/8/2017 là 910.000.000^d (Chín trăm mười triệu đồng), ông Phạm Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị Ng (Ng) phải trả số tiền 910.000.000 đồng, ông Đ không yêu cầu bà Ng phải trả lãi.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, ý kiến trong quá trình giải quyết bà Hoàng Thị Ng (Ng) trình bày:

Do thời gian đã lâu nên bà Ng không nhớ cụ thể bắt đầu vay tiền của ông Đ, chỉ nhớ khoảng từ năm 2010, 2011 bà Ng bắt đầu vay tiền. Sau nhiều lần vay nợ ông Đ thì trở nên quen biết nên bà Ng tiếp tục vay tiền của ông Đ. Đến năm 2014 bà Ng và ông Đ chót nợ với nhau, số tiền vay và chót nợ là 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng), có giấy vay tiền năm 2014 nộp cho Tòa án để làm căn cứ. Do làm ăn thua lỗ nên bà Ng chưa trả được số tiền này cho ông Đ. Sau lần vay 200.000.000 đồng năm 2014, bà Ng không vay ông Đ thêm lần nào nữa, các giấy vay tiền từ sau năm 2014 đều do bà Ng không trả được lãi và gốc nên cộng vào để tính lãi cho các lần sau. Đến ngày 17/01/2017 do nhiều lần bà Ng chưa trả được tiền nợ gốc 200.000.000 đồng đã chót năm 2014 và số tiền lãi trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến hết 2016 nên ông Đ đã cho bà Ng ký giấy vay tiền chót số nợ là 693.000.000^d (Sáu trăm chín mươi ba triệu đồng). Tiếp đó ngày 04/8/2017 ông Đ tiếp tục cho bà Ng ký giấy vay tiền với số tiền 217.000.000 đồng, số tiền trong giấy này không phải bà Ng vay ông Đ mà đó là số tiền lãi của số tiền 693.000.000 đồng đã ghi ngày 17/01/2017. Từ năm 2014 đến năm 2018 bà Ng đã trả cho ông Đ số tiền 300.800.000 đồng, trong đó: Từ năm 2014 đến năm 2017 bà Ng trả cho ông Đ được 253.500.000 đồng. Khoảng năm 2017 ông Đ khởi kiện bà Ng ra Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa yêu cầu bà Ng trả số tiền nợ 693.000.000 đồng nhưng sau đó lại rút đơn khởi kiện và tiếp tục cho xã hội đen đến nhà bà Ng đòi nợ nên bà Ng đã trả cho ông Đ thêm 47.300.000 đồng nữa (là các tài liệu bà Ng giao nộp trả tiền cho Phạm Hồng V có giấy biên nhận và giấy chuyển tiền cho Trần Tuấn Ph (Nhờ chuyển cho VS).

Khi viết giấy vay tiền ngày 17/01/2017 thì bà Ng vẫn đang thực hiện việc trả nợ cho ông Đ. Khi đó bà Ng chỉ trả nợ chứ không vay thêm lần nào. Ông Đ tự tính toán số tiền nợ gốc, lãi bà Ng chưa trả từ năm 2014 đến 2017, trừ đi tổng số tiền 253.500.000 đồng bà Ng đã trả được chốt đến ngày 17/01/2017 thành số tiền 693.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc ban đầu bà Ng vay chỉ có 200.000.000 đồng, số tiền còn lại là do ông Đ tính lãi 5% một tháng cộng dồn lại thành. Cứ sau một thời gian bà Ng không trả được lãi, ông Đ lại tổng số nợ gốc và số nợ lãi và cho bà Ng ký lại giấy vay tiền mới. Ngày 17/01/2017 bà Ng chỉ ký giấy vay tiền ghi số tiền 693.000.000 đồng, chứ bà Ng không nhận số tiền 693.000.000 đồng này cũng không nhận một khoản tiền nào từ ông Đ. Ngày 04/8/2017 ông Đ tiếp tục viết giấy chốt số tiền lãi cho bà Ng. Số tiền 217.000.000 đồng này là tiền lãi của số nợ 693.000.000 đồng bà Ng đã ký ngày 17/01/2017 chứ bà Ng không được nhận khoản tiền nào của ông Phạm Văn Đ. Ông Đ không giao 693.000.000 đồng cho bà Ng, cũng không giao 217.000.000 đồng cho bà Ng. Hai khoản tiền trên hai giấy này đều là tiền lãi ông Đ tính cho bà Ng và yêu cầu bà Ng ký. Chữ viết, chữ ký ghi Nga, Hoàng Thị Ng là chữ của bà Ng.

Giấy vay tiền ghi ngày 17/01/2017 được viết tại nhà của bà Ng, còn giấy vay tiền ngày 04/8/2017 được viết tại quán cà phê tại Hà Nội. Khi viết giấy ông Đ không đe dọa, bà Ng cũng không bị lừa dối, bà Ng hoàn toàn biết giấy ghi số tiền nợ 693.000.000 đồng và 217.000.000 đồng, bà Ng cũng không được nhận tiền mà vẫn ký là do khi vay tiền từ năm 2014 ông Đ yêu cầu bà Ng trả lãi 5% một tháng, do đã có thỏa thuận như vậy nên khi ông Đ chốt lãi, tính lãi còn nợ bằng này mà yêu cầu bà Ng ký thì bà Ng vẫn nhất trí ký giấy. Việc bà Ng vẫn tiếp tục ký những giấy vay tiền với ông Đ là do khi đó là mối quan hệ làm ăn với nhau, mối quan hệ vẫn còn tốt, hai bên chưa đến mức phải kiện, đưa nhau lên cơ quan pháp luật nên bà Ng vẫn nhất trí ký giấy vay tiền lại cho ông Đ. Nhưng vì khoản tiền lãi 5% là quá cao, khi bà Ng không trả được nợ thì ông Đ lại cộng số lãi thành tiền nợ gốc để tính tiếp lãi 5% của số tiền sau khi đã cộng cả gốc và lãi trước đó chưa trả nên từ 200.000.000 đồng mới thành 693.000.000 đồng.

Do đó, việc ông Đ khởi kiện cho rằng bà Ng vay số tiền nợ gốc 910.000.000 đồng là không đúng sự thật và bà Ng không nhất trí trả số tiền nợ này.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị Ng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc 910.000.000 đồng. Ông Đ xác định việc bà Ng vay tiền của ông Đ là vay tiền mặt, hai bên đã cam kết và ký giấy vay tiền, bà Ng hoàn toàn minh mẫn, đủ nhận thức khi thực hiện giao dịch với ông Đ, ông Đ không có hành vi, lời nói đe dọa, ép buộc bà Ng khi hai bên thực hiện giao dịch cho vay và ký giấy vay tiền. Từ khi vay bà Ng chưa thanh toán được tiền nợ cho ông Đ. Ông Đ không nhất trí với nội dung bà Ng cho rằng đã trả tiền cho ông Lê Xuân D và ông Phạm Hồng V là trả

nợ cho ông Đ vì ông Đ có giấy ủy quyền cho ông D, ông V đến gặp bà Ng để đơn đốc, đòi nợ cho ông Đ nhưng phần cuối của giấy ủy quyền đã ghi rất rõ “*Khi bà Hoàng Thị Ng trả tiền thì phải có mặt của bên ủy quyền và bên được ủy quyền (ông Phạm Văn Đ sẽ là người nhận tiền)*”. Trong năm 2018 ông Đ không nhận được tin nhắn hay cuộc gọi nào của bà Ng về việc nói đã trả tiền cho ông Đ thông qua ông D, ông V như nội dung giấy ủy quyền. Ông Đ chỉ ủy quyền đến đơn đốc nợ và đòi nợ, không ủy quyền thu hoặc nhận trả tiền nợ của bà Ng.

Bị đơn bà Hoàng Thị Ng không nhất trí với các ý kiến mà ông Đ trình bày. Khi ông Lê Xuân D và ông Phạm Hồng V đến đòi nợ đã có giấy ủy quyền của ông Đ thì bà Ng mới trả. Do đã làm ăn với nhau lâu năm nên khi nhìn chữ ký của ông Phạm Văn Đ bà Ng nhận ra ngay. Việc bà Ng chuyển tiền vào tài khoản Trần Tuấn Ph là do chính ông Phạm Hồng V yêu cầu bà Ng chuyển khoản vào tài khoản đó, bà Ng có ghi nội dung “*chuyển khoản cho VS, Ph nhận giúp*”. Bà Ng xác định trong năm 2018 đã trả cho ông Đ được 47.300.000 đồng (trả thông qua ông Lê Xuân D và ông Phạm Hồng V).

Bà Ng tiếp tục khẳng định bà chỉ được vay ông Đ số tiền 200.000.000^d (*Hai trăm triệu đồng*) vào năm 2014. Bà Ng nộp đơn đề nghị, giải trình số tiền nợ gốc và các khoản tiền bà đã trả từ năm 2014 đến năm 2018 gồm:

Năm 2014 bà Ng vay ông Đ là 200.000.000^d (*Hai trăm triệu đồng*), ngày 24/11/2017 ông Đ có khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa yêu cầu bà Ng trả số tiền nợ 693.000.000^d (*Sáu trăm chín mươi ba triệu đồng*). Vậy tính từ năm 2017 khi ông Đ khởi kiện, bà Ng đã có ý kiến trình báo và gửi các thủ tục gửi Tòa nên bà đề nghị được tính lãi suất quá hạn là 0,15% trên năm. Bà Ng tự tính số tiền lãi trong năm 2014 mà bà phải trả ông Đ là $200.000.000^d \times 0,15\%/năm = 30.000.000^d$ (*Ba mươi triệu đồng*). Năm 2014 bà Ng trả cho ông Đ được 15.000.000^d, còn nợ lại tiền lãi 15.000.000^d.

Năm 2015 bà Ng trả cho ông Đ được 127.500.000^d (*Một trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm đồng*) vào ngày 22/10/2015, cộng số tiền đã trả năm 2014 là 15.000.000^d, bà Ng tính trong năm 2014, 2015 đã trả ông Đ được $127.500.000^d = 142.500.000^d$ (*Một trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm đồng*).

Tổng năm 2014, 2015 bà Ng trả được $142.500.000^d - 30.000.000^d$ tiền lãi năm 2014 còn lại là 112.500.000^d (*Một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) khoản này bà Ng trả 100.000.000^d (*Một trăm triệu đồng*) tiền gốc còn dư lại là 12.500.000^d (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) trả vào lãi của năm 2015.

Bà Ng cho rằng sau khi tính toán tiền lãi theo lãi chậm trả và tính số tiền đã trả thì sau năm 2014, 2015 bà Ng còn nợ ông Đ tiền nợ gốc là 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng).

Năm 2016 bà trả cho ông Đ 97.000.000^d (*Chín mươi bảy triệu đồng*) + tiền thừa của năm 2015 dư 12.500.000^d = 109.500.000^d (*Một trăm linh chín triệu năm trăm nghìn*

đồng). Bà Ng tự tính là $109.500.000^d$ trừ lãi quá hạn của năm 2015 là $30.000.000^d = 79.500.000^d - 15.000.000^d$ (lãi của $100.000.000^d \times 0,15\% = 15.000.000^d$) = $64.500.000^d$ bà Ng chuyển trả gốc năm 2016.

Bà Ng cho rằng sau năm 2016 bà còn nợ ông Đ số tiền nợ gốc $100.000.000^d - 64.500.000^d = 35.500.000^d$.

Đến năm 2017, tiền lãi được tính là 5.325.000 đồng (gốc 35.500.000 đồng $\times 0,15\%/năm = 5.325.000$ đồng). Bà Ng chuyển trả cho ông Đ được 14.000.000^d trừ tiền lãi năm 2017 là 5.325.000^d còn lại gốc vay năm 2017 là 35.500.000 đồng – 8.675.000 đồng = 26.825.000 đồng chuyển sang năm 2018.

Bà Ng cho rằng sau năm 2017 bà còn nợ ông Đ số tiền nợ gốc là 26.825.000 đồng.

Trong năm 2018, bà Ng tự tính nợ gốc 26.825.000 đồng $\times 0,15\%/năm = 4.025.000$ đồng. Tổng cả gốc và lãi năm 2018 bà Ng còn nợ ông Đ là 30.850.000 đồng (26.825.000 đồng + 4.025.000 đồng). Và bà Ng thanh toán theo giấy ủy quyền của ông Đ cho ông Phạm Hồng V và ông Lê Xuân D ở Tuyên Quang được tổng số tiền là 47.300.000 đồng; trừ đi số tiền bà Ng nợ ông Đ 30.850.000 đồng thì ông Đ đã nhận thừa của bà Ng số tiền 16.450.000 đồng.

Từ năm 2014 đến 2018 bà Ng đã thanh toán cho ông Đ được tổng số tiền 300.800.000 đồng. Khoản tiền 693.000.000 đồng và khoản tiền 217.000.000 đồng là tiền nợ gốc và lãi tính từ năm 2014 bà Ng chưa trả hết cho ông Đ nên ông Đ cộng lại và cho bà ký giấy vay tiền, bà Ng không vay tiền mặt của ông Đ. Ông Đ ủy quyền cho ông Phạm Hồng V và ông Lê Xuân D ở Tuyên Quang đến đòi nợ bà Ng và bà Ng đã trả tiền cho ông D, ông V nên bà Ng đề nghị ông Đ phải chịu trách nhiệm về việc bà đã thanh toán tiền cho ông Đ thông qua ông D, ông V. Tuy bà Ng là người không xem kỹ ý kiến của ông Đ trong giấy ủy quyền về việc phải trả tiền trực tiếp cho ông Đ nhưng do ông ủy quyền cho ông D, ông V là dân xã hội đen đến đòi nợ, đe dọa chửi bà, điện thoại dọa con gái bà Ng ở thành phố Tuyên Q nên ông Đ phải chịu trách nhiệm về nội dung ủy quyền này. Bà Ng không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc buộc bà Ng phải trả số tiền nợ gốc 910.000.000 đồng. Bà Ng không có ý kiến đối với số tiền 16.450.000 đồng mà bà cho là đã trả thừa cho ông Đ so với số tiền thực tế bà còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chưa có mặt theo thông báo, triệu tập của Tòa án dẫn đến vụ án bị kéo dài thời hạn giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Bà Hoàng Thị Ng có vay tiền của ông Phạm Văn Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng khai thực tế không được nhận số tiền vay viết trong giấy vay nợ ngày 17/01/2017 ngày 04/8/2017 mà chỉ được vay số tiền gốc 200.000.000 đồng từ năm 2014. Số tiền trong giấy vay tiền trên thực chất là số tiền lãi và tiền gốc tính đến ngày đó. Tuy nhiên bà Ng không đưa ra được chứng cứ chứng minh lời khai của mình là có căn cứ. Hơn nữa, bà Ng cũng thừa nhận chữ viết, chữ ký ghi Ng, Hoàng Thị Ng trong giấy vay tiền là chữ của bà, trong trạng thái đầy đủ nhận thức và không bị ép buộc, như vậy đây là giao dịch dân sự thực tế.

Bà Ng có giao nộp các giấy biên nhận tiền bà Ng trả cho ông Đ tuy nhiên các giao dịch đều thực hiện trước ngày 17/01/2017 là không hợp lý. Chỉ duy nhất có 01 giấy ủy nhiệm chi của Ngân hàng Agribank ngày 19/7/2017 (BL 77) với nội dung “Chuyển trả tiền vay” của khách hàng Hoàng Thị Ng; khách hàng thụ hưởng Phạm Văn Đ số tiền 10.000.000 đồng cần ghi nhận cho bà Ng. Ngoài ra quá trình giải quyết, bà Ng giao nộp các giấy nộp tiền về việc chuyển trả tiền cho tài khoản Trần Tuấn Ph, ngày 12/10/2018 ghi nội dung chuyển trả 2.000.000 đồng; giấy nộp tiền ngày 16/8/2018 số tiền 2.000.000 đồng; 01/11/2018 số tiền 1.000.000 đồng; ngày 07/9/2018 ghi số tiền 1.200.000 đồng; ngày 06/9/2018 ghi số tiền 1.600.000 đồng; ngày 07/8/2018 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 23/11/2018 chuyển trả số tiền 2.000.000 đồng; ngày 13/11/2018 ghi số tiền chuyển 3.000.000 đồng; Giấy biên nhận tiền ngày 08/10/2018 ghi số tiền 3.000.000 đồng (Phạm Hồng V nhận) và 01 giấy ủy quyền ngày 02/7/2018 giữa ông Phạm Văn Đ ủy quyền cho ông Phạm Hồng V và ông Lê Xuân D. Bà Ng khai đó là số tiền đã trả cho bà chuyển nhờ trả cho ông Đ. Ông Đ không thừa nhận việc đó. Mặt khác trong giấy ủy quyền ghi “*Khi bà Hoàng Thị Ng trả tiền thì phải có mặt của: Bên ủy quyền và bên được ủy quyền (ông Phạm Văn Đ sẽ là người nhận tiền)*” nên việc bà Ng chuyển tiền cho ông Trần Tuấn Ph và ông Phạm Hồng V để trả nợ là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Căn cứ các Điều 155, 166, 274, 275, 280, 357, 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ. Buộc bà Hoàng Thị Ng (Ng) có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn Đ tổng số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng của bà Ng đã trả cho ông Đ.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Hoàng Thị Ng phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định, bà Ng là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên được miễn. Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, ông Đ có đơn đề nghị miễn tiền án phí nên được miễn; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 166, 275, 278, 280, 351, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về Kiện đòi lại tài sản của ông Phạm Văn Đ đối với bà Hoàng Thị Ng (tên gọi khác Hoàng Thị Ng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng.

2. Buộc bà Hoàng Thị Ng có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Văn Đ tổng số tiền nợ gốc là 900.000.000^d (*chín trăm triệu đồng*).

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Ông Phạm Văn Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án của người phải thi hành án, về tiền lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của đương sự trong vụ án theo quy định.

Ngày 21/9/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo bản án sơ thẩm của bà Hoàng Thị Ng. Bà Ng kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q với các lý do: Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập đưa chồng, các con của bà Ng tham gia tố tụng là vi phạm quy định của pháp luật, chưa giải quyết triệt để quyền và lợi ích của những người liên quan. Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ một cách khách quan, toàn diện dẫn đến đưa ra phán quyết buộc bà trả cho ông Đ số tiền 900.000.000 đồng là không phù hợp các tình tiết của vụ án, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Ng, người đại diện theo ủy quyền của bà Ng trình bày: Giấy vay tiền ngày 17/01/2017 và ngày 04/8/2017 giữa bên cho vay tiền ông Phạm Văn Đ, bên vay tiền bà Phạm Thị Nga, chữ ký trong giấy vay tiền là của bà Hoàng Thị Ng. Nhưng thực tế trong hai giấy vay tiền trên, bà Ng không được nhận tiền mặt từ ông Đ, mà là tiền lãi vay phát sinh mà bà Ng đã vay tiền ông Đ trước đó. Cụ thể: Năm 2010 bà Ng vay ông Đ số tiền là 80.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/9/2010 (ngày 20/8/2010 âm). Sau khi vay tiền, do làm ăn thua lỗ không trả được, đến ngày 01/02/2014 ông Đ với bà Ng đã xác lập với nhau giấy vay tiền ngày 01/02/2014 bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi của khoản tiền vay từ năm 2010. Từ tháng 02/2014 đến tháng 8/2017, ông Đ đã yêu cầu bà Ng ký 12 giấy vay tiền với số tiền giao dịch tổng là 4.193.300.000 đồng, nhưng thực chất không có việc vay tiền giữa bà Ng và ông Đ, mà là chỉ chốt số tiền lãi

từ Giấy vay tiền từ ngày 01/02/2014, với lãi suất 5%/tháng và hằng tháng cộng tiền lãi thành tiền gốc để tính lãi tiếp. Do là chỗ quen biết, lúc đầu có vay tiền ông Đ thật, bà Ng chấp nhận xác định số tiền gốc vay của ông Đ theo Giấy vay tiền ngày 01/02/2014 số tiền 200.000.000 đồng và đề nghị tính lãi suất theo quy định của Nhà nước; trừ đi cho bà Ng số tiền đã thanh toán cho ông Đ từ năm 2014 đến năm 2018. Theo cách tính, xác định của bà Ng thì đã thanh toán cho ông Đ từ 2014 đến 2018 tổng số tiền 300.800.000 đồng, bà Ng xác định bà không còn nợ tiền của ông Đ. Cấp sơ thẩm không xem xét các chứng cứ do bà Ng cung cấp là chưa đánh giá khách quan vụ án, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Ng.

Năm 2018, ông Đ không trực tiếp đến đòi nợ mà viết giấy ủy quyền cho anh Lê Xuân D và anh Phạm Hồng V để đòi nợ. Nhiều lần anh V nhắn tin qua điện thoại cho bà và đến trực tiếp tại gia đình yêu cầu bà thanh toán tiền trả nợ cho ông Đ, anh V nói không có tài khoản ngân hàng, yêu cầu bà chuyển khoản tiền vào tài khoản của Trần Tuấn Ph (bạn của anh V). Năm 2018 bà đã chuyển tiền vào tài khoản của Trần Tuấn Ph theo yêu cầu của anh V và thanh toán tiền cho anh V (hay gọi là VS) được tổng số tiền 47.300.000 đồng. Bà Ng và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm với các lý do: Cấp sơ thẩm đã không triệu tập, đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tham gia phiên tòa. Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm đã không xem xét khách quan chứng cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ng và các đương sự khác trong vụ án. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại, trường hợp không hủy án thì sửa án theo hướng tính lại số tiền bà Ng đã thanh toán cho ông Đ theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn Đ trình bày: Ông và bà Ng là chỗ quen biết, do cần vốn làm ăn ngày 17/01/2017, ông cho bà Ng vay số tiền 693.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng. Ngày 04/8/2017 ông cho bà Ng vay tiền số tiền 217.000.000 đồng với lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay tiền bà Ng chưa trả tiền gốc, tiền lãi cho ông. Ông yêu cầu bà Ng trả toàn bộ tiền gốc đã vay của ông, không yêu cầu tính lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngày 02/7/2018 ông được viết giấy ủy quyền cho anh Lê Xuân D, địa chỉ: An Kh- Yên S - Tuyên Q và Phạm Hồng V, địa chỉ: Hưng K 3 - An T - Tuyên Q để đôn đốc bà Ng trả nợ cho ông. Sau khi viết giấy ủy quyền cho anh D, anh V ông không thấy anh D, anh V báo cho ông đã thu được bao nhiêu tiền; không thấy bà Ng báo cho ông là đã thanh toán chuyển tiền qua tài khoản của Trần Tuấn Ph cho ông. Thực tế ông không nhận được tiền của bà Ng do anh D, anh V chuyển cho ông. Đối với số tiền 47.300.000 bà Ng cho rằng đã thanh toán thông qua anh V cho ông, ông không chấp nhận.

Bà Ng xuất trình 12 giấy vay tiền giữa ông với bà Ng từ tháng 02/2014 đến tháng 8/2017, giữa hai bên giao dịch ông cho bà Ng vay tiền, chữ ký trong Giấy vay tiền của bên cho vay đúng là chữ ký, chữ viết của ông. Số tiền giao dịch giữa hai bên **4.259.500.000** đồng là không có, do lâu ngày ông không nhớ cụ thể các

lần giữa ông và bà Ng viết giấy vay nợ với nhau, nhưng giao dịch sau đã thay thế cho giao dịch trước. Ông xác định bà Ng chỉ còn nợ lại ông số tiền vay nợ gốc 910.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 17/01/2017 và giấy vay tiền ngày 04/8/2017. Ông không nhất trí nội dung kháng cáo bản án của bà Ng, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hoàng Thị Ng kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo trong phạm vi của bản án sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án xét thấy cấp sơ thẩm đã không xác minh, thu thập làm rõ số tiền bà Ng thanh toán cho ông Đ. Cần xem xét số tiền bà Ng đã trả cho ông Đ trong thời gian từ ngày vay 17/01/2017 đến nay (theo các BL số 77, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109). Năm 2018, ông Đ ủy quyền cho anh Lê Xuân D, anh Phạm Hồng V để đòi nợ tiền đối với bà Ng. Bà Ng xác định thanh toán tiền cho ông Đ thông qua anh Phạm Hồng V, theo yêu cầu của anh Phạm Hồng V, bà Ng, ông H (chồng bà Ng) đã thanh toán bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản của Trần Tuấn Ph 08 lần số tiền 22.800.000 đồng; trả bằng tiền mặt có giấy biên nhận 3.000.000 đồng và trả bằng gõ cho Phạm Hồng V có giấy biên nhận số tiền là 21.500.000 đồng. Ngoài ra, bà Ng xác định có 02 lần thanh toán tiền cho con trai của ông Đ là Phạm Văn Đ1 số tiền 14.000.000 đồng, nhưng cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu, chứng cứ làm rõ.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ có việc vay nợ giữa bà Ng, ông H với ông Trần Tuấn Ph và ông Phạm Hồng V không? Làm rõ số tiền bà Ng, ông H chuyển trả cho ông Đ vào tài khoản của ông Ph đã được ông Ph chuyển cho ông Đ chưa? Số tiền ông V nhận của ông H đã chuyển cho ông Đ chưa? Có việc anh Đ1 nhận tiền của bà Ng không? mà căn cứ vào nội dung ủy quyền trong 2 giấy ủy quyền ngày 02/7/2018 có nội dung *“khi bà Hoàng Thị Ng trả tiền thì phải có mặt của: Bên ủy quyền và bên được ủy quyền (ông Phạm Văn Đ sẽ là người nhận tiền)”* không chấp nhận các nội dung chuyển tiền của bà Ng, ông H qua tài khoản của ông Trần Tuấn Ph và số tiền ông V nhận của ông H là chưa đảm bảo quyền lợi cho bà Ng.

Hơn nữa, việc trả tiền của bà Ng và ông H đối với số tiền bà Ng vay của ông Đ qua anh Phạm Văn Đ1, ông Phạm Hồng V, ông Trần Tuấn Ph có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của anh Đ1, ông Ph, ông V và ông H, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự là vi phạm thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Tại cấp phúc thẩm bà Ng cho rằng số tiền bà vay của ông Đ từ năm 2014 số nợ cả gốc và lãi cộng lại là 293.000.000 đồng, bà Ng đã trả cho ông Đ hết các khoản bà Ng đã nợ, các giấy vay theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ là không đúng. Ông Đ cho rằng giấy vay đều thể hiện là bà Ng vay ông tiền mặt, tuy nhiên tại phiên tòa ông Đ khai số tiền thể hiện trong các giấy vay nợ ông khởi kiện là gộp cả tiền chuyển khoản, cả tiền mặt và tiền còn lại của các khoản vay trước như vậy là chưa phù hợp, nên cần phải xem xét làm rõ đối với các khoản vay, trả giữa ông Đ với bà Ng để làm căn cứ vững chắc trong quá trình giải quyết không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Nhận thấy việc Tòa án sơ thẩm không đưa ông Trần Tuấn Ph, Phạm Hồng V, ông Lê Xuân D, ông Phan H, anh Phạm Văn Đ1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã vi phạm về thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ, tại cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, không bảo đảm được quyền và lợi ích chính đáng của đương sự trong vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên Bà Hoàng Thị Ng không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 21/9/2023, bị đơn bà Hoàng Thị Ng có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST, ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, quyền kháng cáo, nội dung kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đơn kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Ng là hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị Ng.

[2.1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Phạm Văn Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà Hoàng Thị Ng thanh toán tổng số tiền nợ gốc 910.000.000 đồng; bà Hoàng Thị Ng cư trú tại huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Tòa án nhân dân Huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q xác định

Tranh chấp kiện đòi lại tài sản, thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung vụ án:

- Yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp.

Nguyên đơn ông Phạm Văn Đ khởi kiện bị đơn bà Hoàng Thị Ng đòi lại tài sản tiền cho vay số tiền 910.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất tiền cho vay. Tại bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cung cấp 02 Giấy vay tiền có nội dung như sau:

+ **Giấy vay tiền ngày 17/01/2017** (tại bút lục số 02, 37 thể hiện): “ Hôm nay ngày 17/01/2017. Tại nhà riêng bà Hoàng Thị Ng (Ng) tổ Luộc I thị trấn Vĩnh L, Chiêm H, Tuyên Q. Chúng tôi gồm: **1. Bên cho vay tiền (Gọi tắt là bên A).** Đại diện ông (bà) Phạm Văn Đ. Địa chỉ: Thanh T, Hà N. Số ĐT 0982992289, số TK 3180205052526, Số CMT 036062000120. **2. Bên vay (Gọi tắt là bên B.** Đại diện : Ông (bà) Hoàng Thị Ng: Giám đốc DNTN Hoàng Ng. Địa chỉ: Huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q, số ĐT 01697056699, số TK 8104205031860, Số CMT 070895291. **3. Nội dung thỏa thuận:** Vay tiền mặt VNĐ, vay trả lãi, VNĐ. Thế chấp bằng thửa đất số 022870000 tại tổ Luộc 1, thị trấn Vĩnh L, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q. Số tiền vay (bằng số) 693.000.000đ VNĐ. Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba triệu đồng VNĐ. Thời hạn vay 01 năm. Lãi suất tiền vay 05% một tháng (theo thỏa thuận). Thời hạn trả tiền lãi: Trả lãi hàng tháng. Thời hạn trả tiền gốc: Bên A sẽ báo trước hai tháng. **4. Thỏa thuận khác:** Bà Hoàng Thị Ng (Ng) hứa đến tháng 3 năm 2017 sẽ trả 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng VNĐ). Nếu bà Ng (Ng) bán nhà thì sẽ trả tôi hết 100% cả gốc và lãi. **5. Cam kết:** Nếu bà Ng (Ng) không thực hiện cam kết thì sẽ chịu chịu trách nhiệm trước pháp luật. Giấy vay tiền này thay cho các giấy vay trước đây. Bà Ng (Ng) hứa trước tết âm lịch 2017 sẽ trả 100.000.000đ VNĐ. Giấy vay tiền lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để theo dõi và thực hiện. **Đại diện bên A** (Ký, ghi rõ họ tên) Phạm Văn Đ. **Đại diện bên B** (Ký, ghi rõ họ tên) Hoàng Thị Ng”.

+ **Giấy vay tiền ngày 04/8/2017** (tại bút lục số 03, 38 thể hiện): “ Hôm nay ngày 04/8/2017. Tại....Chúng tôi gồm: **1. Bên cho vay tiền (Gọi tắt là bên A),** đại diện: Ông (bà) Phạm Văn Đ. Địa chỉ: Thanh T, Hà N. Số ĐT 0982992289, số TK 3180205052526, Số CMT 036062000120. **2. Bên vay (Gọi tắt là bên B).** Đại diện: Ông (bà) Hoàng Thị Ng: Giám đốc DNTN Hoàng Ng. Địa chỉ: Huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Q, số ĐT 01697056699, số TK 8104205031860, Số CMT 070895291. **3. Nội dung thỏa thuận:** Vay tiền mặt VNĐ, vay trả lãi,. Số tiền vay (bằng số): 217.000.000đ . Bằng chữ: Hai trăm mười bảy triệu đồng. Thời hạn vay 01 năm. Lãi suất tiền vay 05% một tháng 2% tháng. Thời hạn trả tiền lãi: Trả lãi hàng tháng. Thời hạn trả tiền gốc: Bên A sẽ báo trước hai tháng. **4. Thỏa thuận khác:** Giấy này thay cho giấy vay ngày 04/6/2017. **5. Cam kết:** Giấy vay tiền lập thành

02 bản, mỗi bên giữ 01 bản để theo dõi và thực hiện. **Đại diện bên A** (Ký, ghi rõ họ tên) **Phạm Văn Đ.** **Đại diện bên B** (Ký, ghi rõ họ tên) **Hoàng Thị Ng**”.

- Ý kiến của bị đơn và tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp.

Tại Bản tự khai ngày 11/7/2023 (BL 55), bà Ng khai. Năm 2014 có vay tiền của ông Đ số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này là những khoản tiền vay từ năm 2012 và tính lãi, gốc, chốt lại số tiền 200.000.000 đồng. Trong 5 năm từ 2014 đến 2018, tôi đã thanh toán cho ông Đ số tiền 300.800.000 đồng, tất cả chứng từ tôi sẽ giải trình và cung cấp cho Tòa án sau.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/7/2023 (BL58, 59), Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ; Biên bản hòa giải ngày 20/7/2023 (BL 114 đến 119) và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn xác định: Khoảng từ năm 2010, 2011 thì bắt đầu vay tiền của ông Đ. Đến năm 2014 thì chốt nợ với nhau, số tiền vay, chốt nợ là 200.000.000 đồng. Sau lần vay, chốt nợ 200.000.000 đồng, từ năm 2014, bà không vay thêm nữa mà đó là lãi và gốc cộng vào để tính các lần sau. Đến 17/01/2017 chưa trả được tiền nợ gốc 200.000.000 đồng đã chốt năm 2014 và số tiền lãi trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến hết 2016, nên ông Đ cho bà ký giấy vay tiền chốt nợ là 693.000.000 đồng. Tiếp đó ngày 04/8/2017 ông Đ tiếp tục cho bà ký giấy vay tiền số tiền 217.000.000 đồng, số tiền này không phải bà vay ông Đ mà là tiền lãi của số tiền vay chưa trả được ông Đ cộng lại. Từ năm 2014 đến 2018 bà đã trả cho ông Đ được 300.800.000 đồng. Số tiền trong giấy vay tiền ngày 17/01/2017 693.000.000 đồng và 04/8/2017 là 217.000.000 đồng, năm 2017 bà không được nhận tiền từ ông Đ. Hai khoản tiền trên hai giấy này đều là tiền lãi ông Đ tính cho tôi và yêu cầu tôi ký. Chữ viết, chữ ký ghi Ng, Hoàng Thị Ng là chữ của tôi (Ng). Khi viết giấy ông Đ không đe dọa, tôi cũng không bị lừa dối, tôi hoàn toàn biết giấy ghi về số tiền. Tôi không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Đ, tôi nhất trí trả cho ông Đ số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Tại Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 20/7/2023 (BL số 112, 113), bị đơn bà Hoàng Thị Ng giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy biên nhận ngày 16/12/2018 *Phạm Hồng V* nhận gõ của ông H số tiền 21.500.000 đồng (BL 109); Giấy nộp tiền ngày 23/11/2018 tại Agribank Chiếm Hóa, người nộp tiền *Phan H*, người nhận tiền *Trần Tuấn Ph*, nội dung trả tiền cho Đ, VS, nhờ *Ph* chuyển giúp, số tiền 2.000.000 đồng (BL số 108); Giấy nộp tiền ngày 13/11/2018 của *Phan H*, người nhận tiền *Trần Tuấn Ph*, Nội dung: Chuyển trả tiền cho Đ, VS, *Ph* nhận giúp, số tiền 3.000.000 đồng (BL 107); Giấy nộp tiền ngày 01/11/2018 người nộp tiền *Hoàng Thị Ng*, người nhận tiền *Trần Tuấn Ph*, Nội dung: Chuyển trả tiền cho VS *Tuyên Quang*, *Ph* nhận giúp, số tiền 1.000.000 đồng (BL106); Giấy nộp tiền ngày 12/10/2018 người nộp tiền *Hoàng Thị Ng*, người nhận tiền *Trần Tuấn Ph*, nội dung: Chuyển trả tiền cho VS, *Ph* nhận giúp, số tiền 2.000.000 đồng (BL105); Giấy nộp tiền ngày 07/9/2018 người nộp tiền *Hoàng Thị Ng*, người nhận tiền *Trần Tuấn Ph*, nội dung: Chuyển trả tiền

cho VS Tuyên Quang, Ph nhận giúp, số tiền 1.200.000 đồng (BL 104); Giấy nộp tiền ngày 06/9/2018 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Trần Tuấn Ph, nội dung: Trả cho VS, Ph nhận giúp. Số tiền 1.600.000 đồng (BL103); Giấy nộp tiền ngày 16/8/2018 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Trần Tuấn Ph, nội dung: Chuyển trả tiền cho VS Tuyên Quang, Ph nhận giúp, số tiền 2.000.000 đồng (BL102); Giấy nộp tiền ngày 07/8/2018 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Trần Tuấn Ph, nội dung: Chuyển trả tiền cho VS Tuyên Quang, Ph nhận giúp, số tiền 10.000.000 đồng (BL101); Giấy nhận tiền của Phạm Hồng V ngày 08/10/2018, số tiền 3.000.000 đồng (BL 100); Giấy ủy quyền đòi nợ ngày 02/7/2018 của Phạm Văn Đ cho Phạm Hồng V, Lê Xuân D (BL99a); Giấy ủy quyền về việc đôn đốc trả nợ tiền vay ngày 02/7/2018 của Phạm Văn Đ cho Lê Xuân D (BL99).

+ Giáp nộp tiền ngày 02/8/2016, người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: chuyển trả tiền vay, số tiền 10.000.000 đồng (BL97); Giấy nộp tiền ngày 24/6/2016 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 20.000.000 đồng (BL95); Giấy nộp tiền ngày 22/4/2016 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: Trả tiền vay, số tiền 20.000.000 đồng (BL 94); Giấy nộp tiền ngày 07/01/2016 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 10.000.000 đồng (BL93); Ủy nhiệm chi ngày 06/01/2016 người trả tiền Hoàng Thị Ng, người thụ hưởng Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 20.000.000 đồng (BL92); Ủy nhiệm chi ngày 22/10/2015 người trả tiền Hoàng Thị Ng, người thụ hưởng Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 20.000.000 đồng (BL91); Giấy ủy nhiệm chi ngày 28/9/2015 người trả tiền Hoàng Thị Ng, người thụ hưởng Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 20.000.000 đồng (BL90); Giấy nộp tiền ngày 26/8/2015 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 10.000.000 đồng (BL89); Giấy nộp tiền ngày 15/7/2015 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 10.000.000 đồng (BL88); Ủy nhiệm chi ngày 07/7/2015 người trả tiền Hoàng Thị Ng, người thụ hưởng Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 10.000.000 đồng (BL87); Giấy nộp tiền ngày 26/3/2015 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 15.000.000 đồng (BL86); Ủy nhiệm chi ngày 18/5/2015 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người thụ hưởng Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền lãi tháng 2 âm lịch, số tiền 13.000.000 đồng (BL85); Giấy nộp tiền ngày 26/3/2015 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền lãi, số tiền 5.000.000 đồng (BL82); Ủy nhiệm chi ngày 30/9/2014 người trả tiền Hoàng Thị Ng, người thụ hưởng Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 5.000.000 đồng (BL81); Giấy nộp tiền ngày 16/4/2014 người nộp tiền Hoàng Thị Ng, người nhận tiền Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển

trả tiền lãi vay, số tiền 10.000.000 đồng (BL80); Ủy nhiệm chi ngày 08/4/2015 người trả tiền Hoàng Thị Ng, người thụ hưởng Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền lãi tháng 2 âm lịch (BL78); Ủy nhiệm chi ngày 19/7/2017 người trả tiền Hoàng Thị Ng, người thụ hưởng Phạm Văn Đ, nội dung: Chuyển trả tiền vay, số tiền 10.000.000 đồng (BL77).

+ Tài liệu bà Ng cung cấp tại (BL số 125) thể hiện ngày 24/7/2012 (6/6 âm lịch) thanh toán tiền lãi tổng vay cho Đ 30.000.000 đồng. Thanh toán tháng 6+7 = 3.000.000 đồng, ký tên người nhận tiền Phạm Văn Đ. Tại (BL số 126) Giấy biên nhận ngày 27/9/2010 (20/8/2010 âm) thể hiện “Tôi Phạm Văn Đ, địa chỉ: Thị trấn Chiêm H - Tuyên Q. Kể từ hôm nay chị Hoàng Thị Ng Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Ng: Chiêm H - T.Q còn nợ 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng chẵn) đã trả lãi hết tháng 8 âm. Người cho vay ký tên Phạm Văn Đ”.

+ Ngày 13/9/2023, bà Hoàng Thị Ng giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm: 01 đơn ghi ngày 12/9/2023 kèm theo giải trình các khoản tiền vay, thanh toán cho ông Đ các năm từ 2014 đến 2018 (tại các BL từ 130 đến 137); Bản phôi tô tin nhắn bà Ng cho là của Phạm Hồng V nhắn cho bà Ng các ngày: 04/9/2018, 06/9/2018, 12/12/2018, 13/12/2018 và 14/12/2018 (BL138 đến 144).

+ Ngày 10/01/2024, bà Ng có đơn giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ. Kèm theo đơn bà Ng nộp các bản sao phôi tô 01 Giấy nộp tiền ngày 05/3/2010 tại Chi nhánh Na H người nộp tiền Phạm Văn Đ, người nhận tiền Hoàng Thị Ng, Nội dung: Cho vay, số tiền 20.000.000 đồng; 01 Giấy nộp tiền ngày 19/3/2010 tại Chi nhánh Hàm Y người nộp tiền Phạm Văn Đ, người nhận tiền Hoàng Thị Ng, nội dung: Cho vay, số tiền 30.000.000 đồng; 01 Giấy biên nhận ngày 27/9/2010 (20/8/2010 âm) người cho vay Phạm Văn Đ, bà Hoàng Thị Ng còn nợ số tiền 80.000.000 đồng.

Ngoài ra bà Hoàng Thị Ng còn cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm 20 văn bản chứng từ là các ủy nhiệm chi, giấy nộp tiền, chứng từ giao dịch, phiếu lĩnh tiền mặt chuyển khoản qua Ngân hàng thể hiện người nộp tiền là bà Hoàng Thị Ng, người nhận tiền là Phạm Văn Đ trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2017 (từ bút lục số 76 đến 98); 02 giấy ủy quyền của ông Phạm Văn Đ lập ngày 02/7/2018 đơn đốc đòi nợ (BL số 99, 99a); 06 biên lai giấy nộp tiền/chuyển khoản qua Ngân hàng thể hiện người nộp tiền là Hoàng Thị Ng bên nhận tiền là Trần Tuấn Ph, huyện Yên S, tỉnh Tuyên Q năm 2018 (BL101 đến 106); 02 biên lai giấy nộp tiền/chuyển khoản qua Ngân hàng thể hiện người nộp tiền Phan H bên nhận tiền là Trần Tuấn Ph năm 2018 (BL107, 108); 02 biên nhận của Phạm Hồng V nhận tiền với ông H năm 2018 (BL số 100, 109).

[2.3] Xem xét, đánh giá chứng cứ trong vụ án do đương sự cung cấp:

- **Đối với giấy vay tiền:** Giấy vay tiền ngày 17/01/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn cung cấp cho Tòa án về số tiền cho vay là khớp nhau, nhưng có sự khác nhau trong giấy vay tiền này. Tại Giấy vay tiền ông Đ cung cấp cho Tòa án có nội

dung bà Ng thế chấp 01 thửa đất số 022870000 tại tổ Luộc, thị trấn Vĩnh L, Chiêm H, tỉnh Tuyên Q và nội dung nếu bà Ng bán nhà thì sẽ trả tôi hết 100% cả gốc và lãi (tại BL số 02, 37); còn Giấy vay tiền bà Ng cung cấp cho Tòa án không có nội dung nêu trên (BL số 67). Tại Giấy vay tiền ngày 04/8/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn cung cấp cho Tòa án về số tiền cho vay là khớp nhau, nhưng cũng có nội dung khác nhau. Tài liệu nguyên đơn cung cấp tại mục Thời hạn trả nợ gốc: Bên A sẽ báo trước hai tháng (BL số 03, 38); còn tài liệu bị đơn cung cấp không có nội dung trên (BL số 64). Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ thừa nhận các nội dung khác nhau giữa Giấy vay tiền do ông và bà Ng cung cấp cho Tòa án tại Giấy vay tiền lập ngày 17/01/2017 và 04/8/2017 là do ông tự viết bổ sung thêm sau khi ông và bà Ng đã ký giấy vay nợ với nhau.

Nguyên đơn cho rằng năm 2017 bị đơn vay tiền mặt, hiện chưa thanh toán. Bị đơn cho rằng không được vay tiền của nguyên đơn, tuy có ký nhận tại các giấy vay tiền nhưng là tiền gồm cả tiền gốc và lãi phát sinh do nguyên đơn cho vay trước đó do không trả được, sau một thời gian nguyên đơn chốt lại, yêu cầu bị đơn ký giấy vay nợ mới, mặc dù không bị lừa dối, ép buộc nhưng vì điều kiện phải thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn. **Xét thấy:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giao dịch vay tiền giữa ông Đ và bà Ng được thực hiện từ năm 2010. Ngày 01/02/2014 giữa ông Đ với bà Ng có lập 01 giấy vay tiền, ông Đ cho bà Ng vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, các giấy nợ cũ không còn giá trị kể từ ngày hôm nay. Từ 01/02/2014 đến 04/8/2017 giữa ông Đ và bà Ng có lập 12 giấy vay tiền với nhau với tổng số tiền theo các Giấy vay tiền thì bà Ng vay ông Đ có số tiền giao dịch là **4.259.500.000** đồng. Cụ thể: *Giấy vay tiền ngày 01/02/2014 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay và bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 200.000.000 đồng ... các giấy nợ cũ không có giá trị kể từ ngày hôm nay...(BL số 75); Giấy vay tiền ngày 22/6/2014 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay và bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 300.000.000 đồng, thực tế bên vay (bên B) đã nhận 237.300.000 đồng ... Hợp đồng này thay thế các hợp đồng vay tiền trước đây đã ký...(BL số 74); Giấy vay tiền ngày 26/7/2014 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay và bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 280.000.000 đồng ... Giấy vay tiền này thay thế cho các giấy vay tiền trước đây...(BL số 73); Giấy vay tiền ngày 30/8/2014 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 300.000.000 đồng ... Giấy vay tiền này thay thế cho các giấy vay tiền trước đây...(BL số 72); Giấy vay tiền ngày 01/01/2015 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 393.500.000 đồng ... Giấy vay tiền này thay thế cho giấy vay trước...(BL số 71); Giấy vay tiền ngày 01/01/2016 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 470.000.000 đồng ... Giấy này thay thế cho giấy vay trước...(BL số 70); Giấy vay tiền ngày 01/5/2016 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 544.000.000 đồng ... Giấy vay này thay cho giấy vay trước...(BL số 69); Giấy vay tiền ngày 01/10/2016 thể hiện*

bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 620.000.000 đồng ... Giấy vay này thay cho giấy vay trước...(BL số 68); Giấy vay tiền ngày 17/01/2017 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 693.000.000 đồng ... Giấy vay tiền này thay cho giấy vay tiền trước đây...(BL số 67); Giấy vay tiền ngày 04/4/2017 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 85.000.000 đồng ... Vay phát sinh thêm (vay thêm)...(BL số 66); Giấy vay tiền ngày 04/6/2017 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 157.000.000 đồng ... Khoản vay 85.000.000 đồng của giấy vay ngày 04/4/2017 không còn giá trị...(BL số 65); Giấy vay tiền ngày 04/8/2017 thể hiện bên cho vay ông Phạm Văn Đ, bên vay bà Hoàng Thị Ng, số tiền vay 217.000.000 đồng ... Giấy này thay cho giấy vay ngày 04/6/2017...(BL số 64). Tại phiên tòa phúc thẩm cả ông Đ, bà Ng xác định từ năm 2014 đến 2017 giữa ông Đ, bà Ng không có số tiền giao dịch với nhau **4.259.500.000** đồng. **Như vậy**, với các tài liệu, chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định có mối quan hệ mật thiết, gắn bó trong các Giấy vay tiền lập từ năm 2014 đến năm 2017 giữa các đương sự trong vụ án. Bản chất thực tế ngày 17/01/2017 và 04/8/2017 bà Ng không vay tiền với ông Đ, mà chỉ là sự xác nhận lập văn bản ký kết Giấy vay tiền trên cơ sở số tiền gốc và tiền lãi của số tiền ông Đ đã cho bà Ng vay theo nội dung trình bày của bị đơn là có cơ sở.

- **Về số tiền thanh toán:** Nguyên đơn cho rằng sau khi viết giấy vay tiền ngày 04/8/2017, bị đơn chưa thanh toán tiền đối với 02 khoản tiền vay ngày 17/01/2017 và 04/8/2017. Đối với chứng cứ, tài liệu bà Ng cung cấp cho Tòa án có biên lai chuyển tiền từ bà Ng cho ông Đ là trước thời điểm giữa ông Đ và bà Ng có ký hợp đồng vay tiền ngày 17/01/2017 và 04/8/2017, không liên quan đến vụ án này; số tiền bà Ng xác định thanh toán cho Phạm Hồng V và Trần Tuấn Ph theo yêu cầu của Phạm Hồng V theo giấy ủy quyền của ông Đ 47.300.000 đồng, ông Đ xác định không nhận được tiền từ anh V hoặc không thấy anh V và bà Ng thông báo cho, nên ông Đ không chấp nhận.

Bị đơn cho rằng từ năm 2014 đến năm 2018 đã thanh toán nhiều lần cho nguyên đơn, tổng số tiền 300.800.000 đồng. Trong đó: Trước ngày 04/8/2017 thanh toán cho ông Đ số tiền 253.500.000 đồng; sau ngày 04/8/2017 đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 47.300.000 đồng thanh toán cho Phạm Hồng V, chuyển khoản qua tài khoản Trần Tuấn Ph theo yêu cầu của Phạm Hồng V được ông Đ ủy quyền đòi nợ.

Xét thấy: Đối với số tiền bị đơn thanh toán cho nguyên đơn từ năm 2014 đến trước ngày 04/8/2017 với 20 lần chuyển khoản qua hệ thống Ngân hàng đến tài khoản người nhận là Phạm Văn Đ, nội dung ghi rõ là trả tiền vay, trả tiền lãi. Mặc dù các giấy vay tiền ngày 17/01/2017 và 04/8/2017 được lập sau thời điểm các giấy nộp tiền nêu trên, nhưng có căn cứ xác định 02 khoản tiền vay lập ngày 17/01/2017 và 04/8/2017 nêu trên có mối quan hệ phát sinh từ số tiền vay theo Giấy vay tiền lập ngày 01/02/2014 trở đi, do đó cần phải đánh giá, xem xét đối

trừ đối với số tiền bị đơn thanh toán cho nguyên đơn nêu trên. Bởi lẽ: Vì sao bị đơn chuyển tiền thanh toán trả cho nguyên đơn?, số tiền thanh toán chuyển khoản nêu trên là tiền gì?, nếu không liên quan đến nội dung vay tiền thì tại sao bị đơn lại thanh toán tiền cho bị đơn trong đó các giấy nộp tiền chuyển khoản đều có nội dung trả tiền vay, tiền lãi?..., trong các tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp cho Tòa án nhưng cấp sơ thẩm nhận định không có căn cứ chấp nhận số tiền thanh toán của bà Ng cho ông Đ nêu trên là chưa thuyết phục, cần xem xét, đánh giá lại, để đảm bảo được quyền lợi của đương sự trong vụ án.

Đối với số tiền bị đơn thanh toán cho nguyên đơn sau ngày 04/8/2017: Nguyên đơn xác định được ủy quyền cho người đôn đốc bị đơn trả nợ, không nhận được thông báo của bị đơn hoặc người được ủy quyền của nguyên đơn về số tiền bị đơn thanh toán. Bị đơn cho rằng tiền thanh toán cho nguyên đơn sau khi nguyên đơn có Giấy ủy quyền thì bị đơn thực hiện theo hướng dẫn của người được ủy quyền, đã thanh toán tiền mặt, chuyển khoản theo yêu cầu của người được ủy quyền của nguyên đơn số tiền 47.300.000 đồng, không chấp nhận với ý kiến của nguyên đơn. **Xét thấy:** Tuy Giấy ủy quyền lập ngày 02/7/2018 (BL số 99, 99a) không có công chứng hoặc chứng thực là chưa đảm bảo thủ tục theo quy định của pháp luật, nhưng ông Đ xác định, thừa nhận Giấy ủy quyền trên do ông lập để ủy quyền cho anh Phạm Hồng V và anh Lê Xuân D để đôn đốc cho bà Ng thực hiện trả tiền nợ cho ông. Đối với số tiền 47.300.000 đồng bà Ng, ông H (chồng bà Ng) xác định thanh toán cho Phạm Hồng V và chuyển khoản vào tài khoản của Trần Tuấn Ph (theo yêu cầu của Phạm Hồng V) để thanh toán cho ông Phạm Văn Đ. Ông Đ không thừa nhận số tiền 47.300.000 đồng nêu trên để thanh toán trả nợ cho ông. Khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ hoặc tiến hành các biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan để đánh giá tính hợp pháp, khách quan của vụ án như: Ông Phạm Văn Đ đã nhận được tiền của bà Hoàng Thị Ng theo văn bản ủy quyền cho anh Lê Xuân D, anh Phạm Hồng V hay không?, số tiền bà Ng, ông H (chồng bà Ng) chuyển khoản cho Trần Tuấn Ph có nội dung: “*Chuyển trả tiền cho Đ, VS, Ph nhận giúp, trả giúp*” (tại các BL 101 đến BL 108) là tiền gì?, Giấy biên nhận nhận tiền của Phạm Hồng V với ông H (chồng bà Ng) ngày 08/10/2018, ngày 16/12/2018 (BL 100, 109) là tiền gì?, Có hay không việc ông H, bà Ng sử dụng tài sản gia đình thanh toán tiền nợ của bà Ng cho ông Đ không?, Trường hợp nếu số tiền bà Ng, ông H chuyển khoản, thanh toán nêu trên để thanh toán nợ cho ông Đ thì cần phải đối trừ trách nhiệm thanh toán cho bà Ng, vì số tiền nêu trên phát sinh sau thời điểm ông Đ, bà Ng có Giấy vay tiền lập ngày 04/8/2017. Tuy nhiên, tại hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ thể hiện; chưa đủ căn cứ đánh giá, kết luận nhưng cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá không có căn cứ chấp nhận về số tiền thanh toán của bà Ng cho ông Đ là chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về người tham gia tố tụng trong vụ án:

Trong giai đoạn cấp sơ thẩm giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày, lời khai của đương sự trong vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm thừa nhận năm 2018 ông Phạm Văn Đ có ủy quyền cho người đôn đốc đòi nợ, cụ thể:

- Giấy ủy quyền về việc đôn đốc trả nợ tiền vay ngày 02/7/2018 (Bút lục số 99) trong hồ sơ thể hiện: “...Tôi: *Phạm Văn Đ - năm sinh 1962. Địa chỉ...số CMND... Tôi có ủy quyền cho ông Lê Xuân D - năm sinh 1981. Địa chỉ: An Kh - Yên S - Tuyên Q. Số CMTND... Nội dung ủy quyền: Đôn đốc nợ. Người bị đôn đốc trả nợ là bà Hoàng Thị Ng (Ng). Địa chỉ... Số CMTND.... Điện thoại... Giấy tờ kèm theo: Giấy vay tiền thứ nhất: Ngày 17/01/2017 (có bản photo kèm theo) số tiền gốc vay: 217.000.000 VNĐ... Đây là số nợ đã quá hạn theo hai bên cam kết mà bà Hoàng Thị Ng không muốn trả, có thái độ trây ỳ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Văn Đ. Vì lý do ông Đ ở xa không thuận lợi để đi lại đòi nợ nên ông Đ ủy quyền cho ông Lê Xuân D có quyền đôn đốc nợ nhưng (không được nhận tiền trả nợ gốc và lãi) của bà Hoàng Thị Ng (Ng). Khi bà Hoàng Thị Ng trả tiền phải trả trực tiếp cho ông Phạm Văn Đ hoặc chuyển khoản qua ngân hàng”. Bên ủy quyền ký tên: Phạm Văn Đ.*

- Giấy ủy quyền đòi nợ ngày 02/7/2018 (Bút lục số 99a) trong hồ sơ thể hiện: “...Tôi: *Phạm Văn Đ - năm sinh 1962. Địa chỉ...số CMND... Tôi có ủy quyền cho ông Phạm Hồng V, năm sinh: 8/8/1977. Địa chỉ: Hương K 3- An T - Tuyên Q. Và ông Lê Xuân D - năm sinh 1981. Địa chỉ: An Kh - Yên S - Tuyên Q. Số CMTND... Nội dung ủy quyền: Đòi nợ. Người bị đòi nợ là bà Hoàng Thị Ng (Ng)- Giám đốc DNTN Hoàng Ng. Địa chỉ... Số CMTND.... Điện thoại... Giấy tờ kèm theo: Giấy vay tiền thứ nhất: Ngày 17/01/2017 (có bản photo kèm theo) số tiền gốc vay: 693.000.000VNĐ. Giấy vay tiền thứ hai: Ngày 04/8/2017 (có bản photo kèm theo) số tiền gốc vay: 217.000.000VNĐ... Đây là số nợ đã quá hạn theo hai bên cam kết. Cho đến nay bà Hoàng Thị Ng không muốn trả, có thái độ trây ỳ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Văn Đ. Vì lý do ông Đ ở xa không thuận lợi để đi lại đòi nợ nên ông Đ ủy quyền cho ông: Phạm Hồng V và ông Lê Xuân D có quyền đòi nợ bà Hoàng Thị Ng. Khi bà Hoàng Thị Ng trả tiền phải có mặt của bên ủy quyền và bên được ủy quyền (ông Phạm Văn Đ sẽ là người nhận tiền). Hai bên thống nhất ký tên”. Bên ủy quyền ký tên: Phạm Văn Đ.*

Tại cấp sơ thẩm bà Hoàng Thị Ng cung cấp cho Tòa án bản sao kê tin nhắn cho rằng của anh Phạm Hồng V đã nhắn tin qua điện thoại di động đòi nợ bà các ngày 04/9/2018, 06/9/2018, 12/12/2018, 13/12/2018 (tại các bút lục từ 138 đến 144 trong hồ sơ vụ án). **Xét thấy**, với các chứng cứ phía bị đơn bà Hoàng Thị Ng cung cấp thể hiện có mối liên hệ gắn kết về số tiền vay, lãi suất phát sinh, thứ tự lần viết giấy vay tiền sau cao hơn lần trước, mặc dù yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Kiện đòi tài sản do phát sinh từ giao dịch vay tiền giữa các đương sự. Cấp sơ thẩm chưa xác định làm rõ số tiền ban đầu ông Phạm Văn Đ cho bà Hoàng Thị Ng vay

là bao nhiêu?, lãi suất phát sinh như thế nào?, mối liên hệ giữa tiền vay, tiền lãi suất?, số tiền bà Ng đã thanh toán cho ông Đ từ năm 2014 đến 2018 thực tế là bao nhiêu?, việc ông Phạm Văn Đ ủy quyền cho anh Phạm Hồng V, anh Lê Xuân D để đôn đốc bà Hoàng Thị Ng trả nợ cho ông Đ như thế nào?; Các tin nhắn đôn đốc bà Ng trả tiền nợ cho ông Đ có phải của Phạm Hồng V không?, Vì sao bà Hoàng Thị Ng, ông Phan H (chồng bà Ng) lại chuyển tiền vào tài khoản của Trần Tuấn Ph?; mối quan hệ giữa Trần Tuấn Ph, Phạm Hồng V, Lê Xuân D và Phạm Văn Đ như thế nào chưa được cấp sơ thẩm thu thập, xác minh làm rõ để xác định có việc Hoàng Thị Ng, ông Phan H thanh toán tiền thông qua các đối tượng trên cho Phạm Văn Đ hay không?. Vì theo trình bày của bị đơn bà Hoàng Thị Ng xác định bà phải chuyển tiền vào tài khoản của Trần Tuấn Ph để trả nợ cho Phạm Văn Đ là theo yêu cầu của Phạm Hồng V, Lê Xuân D được Phạm Văn Đ ủy quyền việc đôn đốc đòi nợ (theo giấy ủy quyền có chữ ký của ông Đ bà đã nộp cho Tòa án). Biên bản ghi lời khai của ông Phan H ngày 05/01/2024, ông H xác định ông chuyển tiền vào tài khoản của Trần Tuấn Ph là theo yêu cầu của anh VS (Phạm Hồng V). Ông sử dụng gỗ của gia đình để thanh toán cho anh VS trừ nợ cho bà Ng (vợ của ông) là theo yêu cầu của anh VS do có sự ủy quyền đòi nợ của Phạm Văn Đ.

Cấp sơ không yêu cầu đương sự cung cấp, trình bày ý kiến hoặc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan về các nội dung còn mâu thuẫn; thu thập chứng cứ còn thiếu, đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, không chấp nhận phần tiền bị đơn xác định đã thanh toán cho nguyên đơn sau thời điểm có 02 giấy vay tiền ngày 17/01/2017 và 04/8/2017 với số tiền 47.300.000 đồng. Hơn nữa theo Giấy nhận tiền ngày 16/12/2018 của Phạm Hồng V với ông Phan H số tiền 21.500.000 đồng, là tiền gỗ tính thành tiền, theo Biên bản lấy lời khai ông Phan H ngày 09/01/2024 xác định đây là gỗ của gia đình, có sự đóng góp của cả vợ chồng ông (bà Ng, ông H), ông chấp nhận để thanh toán nợ cho vợ ông là theo yêu cầu của anh Phạm Hồng V, khi xét xử, cấp sơ thẩm không xem xét chấp nhận trừ đi số tiền của bà Ng thanh toán cho ông Đ, như vậy quyền lợi về tài sản của gia đình ông không được đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông trong vụ án.

Việc thu thập tài liệu, chứng cứ vụ án chưa đầy đủ, thiếu thành phần đương sự tham gia tố tụng trong vụ án, không đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Phan H, anh Trần Tuấn Ph, Phạm Hồng V, Lê Xuân D, Phạm Văn Đ1 vào tham gia tố tụng trong vụ án; đánh giá chứng cứ chưa toàn diện, khách quan, dẫn đến khi quyết định trong bản án sơ thẩm không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của đương sự trong vụ án. Khi xét xử, giải quyết không đảm bảo chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật; tại cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó thấy cần thiết hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án để đảm bảo được quyền lợi của các đương sự theo quy định của pháp luật, như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Về án phí dân sự:

Kháng cáo bản án của bị đơn bà Hoàng Thị Ng được cấp phúc thẩm chấp nhận, đồng thời bà Hoàng Thị Ng là người cao tuổi, nên bà Ng không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm sẽ được cấp sơ thẩm xem xét, quyết định khi giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Hoàng Thị Ng, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân Huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang và chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Ng không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm sẽ được cấp sơ thẩm xem xét, quyết định khi giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 22/01/2024.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Chiêm Hóa (Kèm HS vụ án);
- THADS huyện Chiêm Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phúc An Hoành

